TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 -2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nhi và bà Đinh Thị Tin
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 412/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1991; địa chỉ: KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà A, ngõ A, phố Q, KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G tự nguyện kết hôn, được UBND thị trấn K nay là Phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 22/01/2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhà bố mẹ chồng chị. Cuộc sống vợ chồng hầu như không có hạnh phúc, sau khi cưới chưa được 1 năm đã mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh G thỉnh thoảng đi uống rượu say về chửi chị, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Gia đình 2 bên đã động viên, hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không có gì cải thiện. Đến tháng 4/2023, lần đó anh G uống rượu say về chửi và đuổi chị đi, chị phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hai bên thông gia cũng đã nói chuyện hòa giải, nhưng chị thấy không thể đoàn tụ, bố mẹ chị cũng tôn trọng ý kiến của anh chị. Từ đó vợ chồng

sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn cơ hội đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Minh V, sinh ngày 03/9/2018 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng anh G; cháu Nguyễn Khánh Minh C1, sinh ngày 30/11/2021 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi cháu C1, để anh G tiếp tục nuôi cháu V, chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm nhân viên ngân hàng, thu nhập bình quân 20 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, anh* Nguyễn Văn G *trình bày:* (Về điều kiện kết hôn như chị Q trình bày trên). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, quá trình chung sống có những mâu thuẫn nhỏ, do hai vợ chồng không trao đổi thẳng thắn mà giữ trong lòng, thể hiện ra bằng việc không hài lòng. Có khi anh đi uống rượu cùng bạn bè về thì vợ chồng có xảy ra to tiếng. Đến ngày 27/4/2023, sau khi anh đi uống rượu về, vợ chồng xảy ra to tiếng, chị Q nói nặng lời với anh, sau đó chị Q đi về nhà ngoại. Bố mẹ đẻ anh có gọi chị Q lại để nói chuyện, phân tích nhưng chị Q vẫn tiếp tục cãi nhau với anh và lên xe về nhà đẻ ở T. Một nguyên nhân nữa, cũng do tính chất công việc của chị Q, đó là chị Q hay đi làm về muộn, không chăm lo được cho gia đình. Anh chị sống ly thân từ tháng 4/2023 đó đến nay gần 2 năm. Anh nghĩ sự việc vẫn chưa đến mức vợ chồng phải chia tay. Do vậy, nay chị Q xin ly hôn, anh không đồng ý mà muốn vợ chồng đoàn tụ, tập trung nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu V đang ở cùng anh, còn cháu C1 đang ở cùng chị Q (như chị Q trình bày trên). Do anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chưa có quan điểm về việc người trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Anh làm kỹ sư Công ty H, thu nhập bình quân 17 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh chưa muốn ly hôn nên chưa yêu cầu toà án giải quyết về tài sản.

- *Tại Biên bản lấy lời khai, ông* Nguyễn Văn C *– bố của anh* Nguyễn Văn G *cho biết:* Anh G và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh G và chị Q về ở tại gia đình ông. Anh G và chị Q chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt, đôi lúc xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại với nhau. Khoảng tháng 4/2023 anh chị xảy ra tranh cãi lớn, sau buổi tranh cãi chị Q bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ tại xã T, thị xã K. Dưới góc độ là phụ huynh, ông cũng đã cố gắng khuyên giải nhưng nay chị Q làm đơn xin ly hôn anh G, ông vẫn mong muốn chị Q suy nghĩ lại để anh chị đoàn tụ. Nếu chị Q vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đó là quyền của chị Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Minh V, sinh ngày 03/9/2018, hiện đang ở cùng anh G và gia đình ông và cháu Nguyễn Khánh Minh C1, sinh ngày 30/11/2021, hiện đang ở cùng chị Q và gia đình chị

Q. Trường hợp anh G được giao nuôi con, gia đình ông tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở, sinh hoạt cho anh G chăm sóc cháu.

- *Tại bản trình bày ý kiến, bà* Nguyễn Thị L *– mẹ đẻ chị* Q *cho biết:* Quá trình chung sống, giữa chị Q và anh G có xảy ra mâu thuẫn, vài lần chị Q phải về nhà bà ở một thời gian, bà động viên và chị Q đã về đoàn tụ. Tuy nhiên, từ tháng 4/2023, sau khi chị Q, anh G mâu thuẫn căng thẳng, chị Q về ở nhà bà từ đó đến nay không về đoàn tụ với anh G. Nay chị Q xin ly hôn anh G thì việc này do anh chị quyết định. Trường hợp chị Q được giao nuôi con, bà tạo điều kiện cho mẹ con chị Q về chỗ ở cũng như giúp chị Q chăm sóc con cái.

- *Xác minh tại khu dân cư, bà* Mạc Thị S - *Trưởng khu dân cư cho biết:* Anh G, chị Q sinh sống trong địa bàn khu dân cư bà quản lý. Quá trình anh chị chung sống, bà được biết anh chị có xảy ra mâu thuẫn từ khoảng 2 năm gần đây, chị Q nhiều lần bỏ đi rồi lại quay về, còn cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị thì bà không nắm được.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Q, anh G đoàn tụ nhưng không thành, anh G mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q kiên quyết xin ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh G, giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh G trình bày: Nếu chị Q kiên quyết xin ly hôn thì anh nhất trí với điều kiện chị Q phải để anh nuôi cả 02 con vì chị Q làm nhân viên ngân hàng không có nhiều thời gian chăm con, anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q; xử cho chị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. *Về con chung:* Giao cháu cháu Nguyễn Khánh Minh V, sinh ngày 03/9/2018 cho anh G, giao cháu Nguyễn Khánh Minh C1, sinh ngày 30/11/2021 cho chị Q chăm sóc nuôi dưỡng, kể từ tháng 4/2025 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Q, anh G tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. *Về án phí:* Chị Bùi Thị Q phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh G có nơi cư trú tại phường A, thị xã K nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Q và anh G có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị Q và anh G đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bản thân anh G đã tự mình và nhờ người tác động để chị Q về đoàn tụ nhưng chị Q không đồng ý, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn thụ nhưng không thành. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh G. Tại phiên tòa, anh G xác định chỉ đồng ý ly hôn khi chị Q1 để anh nuôi cả 2 con. Thực tế 2 năm nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Q ly hôn anh G là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị Q, anh G có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Minh V, sinh ngày 03/9/2018 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng anh G; cháu Nguyễn Khánh Minh C1, sinh ngày 30/11/2021 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng chị Q. Chị Q, anh G đều có công việc thu nhập ổn định, đều mong muốn và đủ điều kiện nuôi con (Tại phiên tòa anh mong muốn nuôi cả 2 con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con). Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất của các cháu, cần tiếp tục giao cháu C1 cho chị Q, giao cháu V cho anh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 4/2025 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q, anh G không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con là phù hợp điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Quá trình chuẩn bị xét xử, chị Q, anh G đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn - chị Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị Q, anh G có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q.

1.1. Xử cho chị Bùi Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn G.

1.2. Giao cháu Nguyễn Khánh Minh C1, sinh ngày 30/11/2021 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng chị Q cho chị Q, giao cháu Nguyễn Khánh Minh V, sinh ngày 03/9/2018 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng anh G cho anh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 4/2025 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q, anh G không yêu cầu bên còn lại (anh G, chị Q) cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số 0007134 ngày 18/12/2024, chị Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (số GCNKH 09 năm 2018);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.